

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

I.1. Mô tả khái quát về dự án:

1. Tên dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT các tuyến Quốc lộ 1D đoạn Km0+00 - Km1+720, Km10+00 - Km20+650; Quốc lộ 19 mới sửa chữa lớp BTN mặt cầu, vượt nôi đảm bảo ATGT các đầu cầu, cống; ĐT.630 đoạn Km8+200 - Km9+500; ĐT.631 đoạn Km0+00 - Km12+342.

2. Loại, cấp công trình: Công trình sửa chữa (*công trình giao thông cầu, đường bộ*), cấp IV.

3. Quyết định đầu tư: UBND tỉnh Gia Lai.

4. Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư: Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai
- Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý bảo trì đường bộ.

5. Địa điểm xây dựng: Trên các tuyến QL.1D, QL.19 mới, ĐT.630, ĐT.631 tỉnh Gia Lai.

6. Quy mô và giải pháp sửa chữa chủ yếu:

6.1. Quy mô sửa chữa:

- Tuyến Quốc lộ 1D: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT các đoạn Km0+00 - Km1+720; Km16+00 - Km18+00, Km18+300 - Km20+650), với chiều dài xây dựng khoảng 6,07Km; Sơn vạch kẻ đường đảm bảo ATGT đoạn Km1+720 - Km10+00, với chiều dài khoảng 8,28Km theo tiêu chuẩn đường cấp III miền núi (TCVN 4054:2005) và đường đô thị (TCVN 13592:2022):

- + Tốc độ thiết kế : $V \geq 60\text{Km/h}$.
- + Bề rộng nền đường : $B_n = 12 - 40\text{m}$.
- + Bề rộng mặt đường : $B_m = 11 - 24\text{m}$.

- Tuyến Quốc lộ 19 mới: Sửa chữa hư hỏng lớp BTN mặt cầu, vượt nôi đảm bảo ATGT đường đầu cầu Hà Thanh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, Tuy Phước và các cống hộp Km6+900, Km9+135, Km9+165, Km9+413, Km11+700, Km11+800, Km12+248.

- + Chiều dài xây dựng các đoạn tuyến : $L = 1,50\text{Km}$.
- + Tốc độ thiết kế : $V \geq 60\text{Km/h}$.
- + Bề rộng nền đường : $B_n = 32,5 - 42\text{m}$
- + Bề rộng mặt đường : $B_m = 22 - 24\text{m}$.

- Tuyến ĐT.630: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km8+200 - Km9+500 theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054:2005).

+ Chiều dài xây dựng đoạn tuyến : $L = 1,30\text{Km}$.

+ Tốc độ thiết kế : $V \geq 60\text{Km/h}$.

+ Bề rộng nền đường : $B_n = 16 - 26\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường : $B_m = 12 - 16\text{m}$.

- Tuyến ĐT.631: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km0+00 - Km6+00, Km6+361 - Km6+500, Km6+900 - Km7+041, Km7+400 - Km12+342 theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054:2005).

+ Chiều dài xây dựng các đoạn tuyến : $L = 11,222\text{Km}$.

+ Tốc độ thiết kế : $V \geq 60\text{Km/h}$.

+ Bề rộng nền đường : $B_n = 15\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường : $B_m = 9 - 15\text{m}$.

6.2) Giải pháp sửa chữa chủ yếu:

- Hướng tuyến: Cơ bản bám theo tuyến hiện trạng.

- Tuyến Quốc lộ 1D:

+ *Mặt đường đoạn Km0+00-Km1+720*: Đối với mặt đường hiện trạng bị hư hỏng: Sửa chữa hư hỏng cục bộ bằng kết cấu phù hợp và cào bóc, thảm hoàn trả bằng lớp bê tông nhựa C16 trên toàn bộ mặt đường.

+ *Mặt đường các đoạn Km16+00 - Km18+00, Km18+300 - Km20+650*: Đối với mặt đường hiện trạng bị hư hỏng: Sửa chữa hư hỏng cục bộ bằng kết cấu phù hợp, thảm tăng cường lớp bê tông nhựa C16 trên toàn bộ mặt đường.

+ *An toàn giao thông*: Xây dựng bổ sung thay thế hệ thống biển báo, vạch sơn, cọc tiêu, đèn báo hiệu, đỉnh phản quang, cột Km để báo hiệu đường bộ phù hợp với cấp đường và quy chuẩn.

- Tuyến Quốc lộ 19 mới:

+ *Mặt cầu*: Đối với BTN mặt cầu tại các cầu Hà Thanh 2,3,4,5 (bên phải): Cào bóc lớp BTN mặt cầu hiện trạng bị hư hỏng, thảm hoàn trả bằng lớp bê tông nhựa C16, hoàn thiện hệ thống ATGT trên toàn bộ mặt cầu và đường đầu cầu.

+ *Đường đầu cầu, cống*: Tiến hành bù vênh bằng kết cấu phù hợp và thảm vuốt nổi, tạo êm thuận bằng lớp bê tông nhựa và hoàn trả hệ thống ATGT.

- Tuyến ĐT.630:

+ *Mặt đường*: Đối với mặt đường hiện trạng bị hư hỏng: Sửa chữa hư hỏng cục bộ bằng kết cấu phù hợp, thảm tăng cường bằng lớp bê tông nhựa C16 trên toàn bộ mặt đường.

+ *An toàn giao thông*: Xây dựng bổ sung thay thế hệ thống biển báo, vạch sơn, cọc tiêu, đỉnh phản quang, cột Km để báo hiệu đường bộ phù hợp với cấp đường và

quy chuẩn.

- Tuyến ĐT.631:

+ *Đối với mặt đường hiện trạng bị hư hỏng*: Sửa chữa hư hỏng cục bộ bằng kết cấu phù hợp, thảm hoàn trả bằng lớp bê tông nhựa C16 trên toàn bộ mặt đường.

+ *An toàn giao thông*: Xây dựng bổ sung thay thế hệ thống biển báo, vạch sơn, cọc tiêu, đèn báo hiệu, đỉnh phản quang, cột Km để báo hiệu đường bộ phù hợp với cấp đường và quy chuẩn.

7. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

8. Thông tin chung về gói thầu:

- Gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
- Địa điểm xây dựng: Trên các tuyến QL.1D, QL.19 mới, ĐT.630, ĐT.631 tỉnh Gia Lai.

- Nguồn vốn: Nguồn sự nghiệp kinh tế cấp cho Sở Xây dựng năm 2026.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 3 năm 2026.

- Giá gói thầu: **2.132.397.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 8%)**

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 15 ngày.

I.2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Lựa chọn nhà thầu tư vấn có kinh nghiệm và đủ điều kiện năng lực theo quy định để khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng đảm bảo chất lượng hiệu quả công trình, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công trình.

II. Phạm vi công việc:

II.1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện:

1. Phạm vi công việc của nhà thầu

Khảo sát để tiến hành Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT các tuyến Quốc lộ 1D đoạn Km0+00 - Km1+720, Km10+00 - Km20+650; Quốc lộ 19 mới sửa chữa lớp BTN mặt cầu, vượt nổi đảm bảo ATGT các đầu cầu, cống; ĐT.630 đoạn Km8+200 - Km9+500; ĐT.631 đoạn Km0+00 - Km12+342.

1.1. Phần khảo sát: Khảo sát để tiến hành Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường,

hệ thống thoát nước và ATGT các tuyến Quốc lộ 1D đoạn Km0+00 - Km1+720, Km10+00 - Km20+650; Quốc lộ 19 mới sửa chữa lớp BTN mặt cầu, vượt nổi đảm bảo ATGT các đầu cầu, cống; ĐT.630 đoạn Km8+200 - Km9+500; ĐT.631 đoạn Km0+00 - Km12+342.

Khối lượng chủ yếu dự kiến như sau:

- Đo vẽ chi tiết bản đồ tuyến địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử, bản đồ tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III: S = 33,557 ha

- Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến ở trên cạn; cấp địa hình III: L = 20.092 m

- Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến ở trên cạn; cấp địa hình III: L = 13.520 m

- Thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III: L = 20.092 m

- Đo vẽ bình đồ hiện trạng hệ thống ATGT. Điều tra thu thập tài liệu KTXH, quy hoạch, mỏ vật liệu, nguồn cung cấp vật liệu, tình hình thủy văn, kết cấu nền mặt đường hiện trạng, công trình thoát nước, ATGT, hạ tầng kỹ thuật, dự kiến lán trại, bãi tập kết vật liệu, đền bù... phục vụ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (kỹ sư tư vấn): N = 30 công.

- Mua số liệu điểm mốc (tọa độ và độ cao) khống chế trắc địa nhà nước (hạng I, II, III): 08 mốc.

Khối lượng chi tiết cụ thể:

*** Khối lượng cụ thể:**

a) Tuyến Quốc lộ 1D:

- Đo vẽ chi tiết bản đồ tuyến địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử, bản đồ tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III:

$$S = 1.720 \cdot 22 / 10.000 + 4.350 \cdot 16 / 10.000 = 10,744 \text{ ha}$$

- Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến ở trên cạn; cấp địa hình III: L = 6.070 m

- Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến ở trên cạn; cấp địa hình III:

$$= (1.720 / 25 + 1) \cdot 22 + (4.350 / 25 + 1) \cdot 16 = 4.336 \text{ m}$$

- Thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III: L = 6.0707 m

- Điều tra thu thập tài liệu KTXH, quy hoạch, mỏ vật liệu, nguồn cung cấp vật liệu, tình hình thủy văn, kết cấu nền mặt đường hiện trạng, công trình thoát nước, ATGT, hạ tầng kỹ thuật, dự kiến lán trại, bãi tập kết vật liệu, đền bù ... phục vụ lập Báo cáo KTKT (kỹ sư tư vấn): N = 8 công.

- Đo vẽ bình đồ hiện trạng hệ thống ATGT đoạn Km1+720 - Km10+00: 4 công

- Mua số liệu điểm mốc (tọa độ và độ cao) khống chế trắc địa nhà nước (hạng I, II, III): L = 2 mốc.

b) Tuyến Quốc lộ 19 mới:

- Đo vẽ chi tiết bản đồ tuyến địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử, bản đồ tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III:

$$S = 1.500 \cdot 26 / 10.000 = 3,9 \text{ ha}$$

- Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến ở trên cạn; cấp địa hình III: $L = 1.500 \text{ m}$

- Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến ở trên cạn; cấp địa hình III:

$$L = (1.500 / 25 + 1) \cdot 26 = 1.586 \text{ m}$$

- Thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III: $L = 1.500 \text{ m}$

- Điều tra thu thập tài liệu KTXH, quy hoạch, mỏ vật liệu, nguồn cung cấp vật liệu, tình hình thủy văn, kết cấu nền mặt đường hiện trạng, công trình thoát nước, ATGT, hạ tầng kỹ thuật, dự kiến lán trại, bãi tập kết vật liệu, đền bù ... phục vụ lập Báo cáo KTKT (kỹ sư tư vấn): $N = 4 \text{ công}$.

- Mua số liệu điểm mốc (tọa độ và độ cao) không chế trắc địa nhà nước (hạng I, II, III): $L = 2 \text{ mốc}$.

c) Tuyến ĐT.630:

- Đo vẽ chi tiết bản đồ tuyến địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử, bản đồ tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III:

$$S = 1.300 \cdot 16 / 10.000 = 2,08 \text{ ha}$$

- Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến ở trên cạn; cấp địa hình III: $L = 1.300 \text{ m}$

- Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến ở trên cạn; cấp địa hình III:

$$L = (1.300 / 25 + 1) \cdot 16 = 848 \text{ m}$$

- Thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III: $L = 1.300 \text{ m}$

- Điều tra thu thập tài liệu KTXH, quy hoạch, mỏ vật liệu, nguồn cung cấp vật liệu, tình hình thủy văn, kết cấu nền mặt đường hiện trạng, công trình thoát nước, ATGT, hạ tầng kỹ thuật, dự kiến lán trại, bãi tập kết vật liệu, đền bù ... phục vụ lập Báo cáo KTKT (kỹ sư tư vấn): $N = 4 \text{ công}$.

- Mua số liệu điểm mốc (tọa độ và độ cao) không chế trắc địa nhà nước (hạng I, II, III): $L = 2 \text{ mốc}$.

d) Tuyến ĐT.631:

- Đo vẽ chi tiết bản đồ tuyến địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử, bản đồ tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III:

$$S = 11.222 \cdot 15 / 10.000 = 16,833 \text{ ha}$$

- Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến ở trên cạn; cấp địa hình III: $L = 11.222 \text{ m}$

- Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến ở trên cạn; cấp địa hình III:

$$L = (11.222 / 25 + 1) \cdot 15 = 6.750 \text{ m}$$

- Thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III: $L = 11.222 \text{ m}$

- Điều tra thu thập tài liệu KTXH, quy hoạch, mỏ vật liệu, nguồn cung cấp vật liệu, tình hình thủy văn, kết cấu nền mặt đường hiện trạng, công trình thoát nước, ATGT, hạ tầng kỹ thuật, dự kiến lán trại, bãi tập kết vật liệu, đền bù ... phục vụ lập Báo cáo KTKT (kỹ sư tư vấn): $N = 10$ công.

- Mua số liệu điểm mốc (tọa độ và độ cao) không chế trắc địa nhà nước (hạng I, II, III): $L = 2$ mốc.

1.2. Phân lập Báo cáo kinh kế kỹ thuật:

Lập hồ sơ Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước với quy mô và giải pháp sửa chữa chủ yếu như sau:

a) Quy mô sửa chữa:

- Tuyến Quốc lộ 1D: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT các đoạn Km0+00 - Km1+720; Km16+00 - Km18+00, Km18+300 - Km20+650), với chiều dài xây dựng khoảng 6,07Km; Sơn vạch kẻ đường đảm bảo ATGT đoạn Km1+720 - Km10+00, với chiều dài khoảng 8,28Km theo tiêu chuẩn đường cấp III miền núi (TCVN 4054:2005) và đường đô thị (TCVN 13592:2022):

+ Tốc độ thiết kế : $V \geq 60\text{Km/h}$.

+ Bề rộng nền đường : $B_n = 12 - 40\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường : $B_m = 11 - 24\text{m}$.

- Tuyến Quốc lộ 19 mới: Sửa chữa hư hỏng lớp BTN mặt cầu, vượt nổi đảm bảo ATGT đường đầu cầu Hà Thanh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, Tuy Phước và các công hộp Km6+900, Km9+135, Km9+165, Km9+413, Km11+700, Km11+800, Km12+248.

+ Chiều dài xây dựng các đoạn tuyến : $L = 1,50\text{Km}$.

+ Tốc độ thiết kế : $V \geq 60\text{Km/h}$.

+ Bề rộng nền đường : $B_n = 32,5 - 42\text{m}$

+ Bề rộng mặt đường : $B_m = 22 - 24\text{m}$.

- Tuyến ĐT.630: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km8+200 - Km9+500 theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054:2005).

+ Chiều dài xây dựng đoạn tuyến : $L = 1,30\text{Km}$.

+ Tốc độ thiết kế : $V \geq 60\text{Km/h}$.

+ Bề rộng nền đường : $B_n = 16 - 26\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường : $B_m = 12 - 16\text{m}$.

- Tuyến ĐT.631: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km0+00 - Km6+00, Km6+361 - Km6+500, Km6+900 - Km7+041, Km7+400 - Km12+342 theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054:2005).

+ Chiều dài xây dựng các đoạn tuyến : $L = 11,222\text{Km}$.

+ Tốc độ thiết kế : $V \geq 60\text{Km/h}$.

+ Bề rộng nền đường : $B_n = 15\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường : $B_m = 9 - 15\text{m}$.

b) Giải pháp sửa chữa chủ yếu:

- Hướng tuyến: Cơ bản bám theo tuyến hiện trạng.

- Tuyến Quốc lộ 1D:

+ *Mặt đường đoạn Km0+00-Km1+720*: Đối với mặt đường hiện trạng bị hư hỏng: Sửa chữa hư hỏng cục bộ bằng kết cấu phù hợp và cào bóc, thảm hoàn trả bằng lớp bê tông nhựa C16 trên toàn bộ mặt đường.

+ *Mặt đường các đoạn Km16+00 - Km18+00, Km18+300 - Km20+650*: Đối với mặt đường hiện trạng bị hư hỏng: Sửa chữa hư hỏng cục bộ bằng kết cấu phù hợp, thảm tăng cường lớp bê tông nhựa C16 trên toàn bộ mặt đường.

+ *An toàn giao thông*: Xây dựng bổ sung thay thế hệ thống biển báo, vạch sơn, cọc tiêu, đèn báo hiệu, đỉnh phản quang, cột Km để báo hiệu đường bộ phù hợp với cấp đường và quy chuẩn.

- Tuyến Quốc lộ 19 mới:

+ *Mặt cầu*: Đối với BTN mặt cầu tại các cầu Hà Thanh 2,3,4,5 (bên phải): Cào bóc lớp BTN mặt cầu hiện trạng bị hư hỏng, thảm hoàn trả bằng lớp bê tông nhựa C16, hoàn thiện hệ thống ATGT trên toàn bộ mặt cầu và đường đầu cầu.

+ *Đường đầu cầu, cống*: Tiến hành bù vênh bằng kết cấu phù hợp và thảm vuốt nối, tạo êm thuận bằng lớp bê tông nhựa và hoàn trả hệ thống ATGT.

- Tuyến ĐT.630:

+ *Mặt đường*: Đối với mặt đường hiện trạng bị hư hỏng: Sửa chữa hư hỏng cục bộ bằng kết cấu phù hợp, thảm tăng cường bằng lớp bê tông nhựa C16 trên toàn bộ mặt đường.

+ *An toàn giao thông*: Xây dựng bổ sung thay thế hệ thống biển báo, vạch sơn, cọc tiêu, đỉnh phản quang, cột Km để báo hiệu đường bộ phù hợp với cấp đường và quy chuẩn.

- Tuyến ĐT.631:

+ *Đối với mặt đường hiện trạng bị hư hỏng*: Sửa chữa hư hỏng cục bộ bằng kết cấu phù hợp, thảm hoàn trả bằng lớp bê tông nhựa C16 trên toàn bộ mặt đường.

+ *An toàn giao thông*: Xây dựng bổ sung thay thế hệ thống biển báo, vạch sơn, cọc tiêu, đèn báo hiệu, đỉnh phản quang, cột Km để báo hiệu đường bộ phù hợp với cấp đường và quy chuẩn.

3. Tên cơ quan thực hiện dự án: Ban Quản lý bảo trì đường bộ.

II.2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn.

Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình

.....

- Lập thuyết minh chỉ dẫn kỹ thuật cho các hạng mục công trình.
- Lập quy trình bảo trì công trình xây dựng.
- Và các yêu cầu khác theo nhiệm vụ thiết kế bước lập thiết kế bản vẽ thi công đã được cấp có thẩm quyền xác định.

- Trình chủ đầu tư hồ sơ thiết kế để được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng; tiếp thu ý kiến thẩm định và giải trình hoặc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo báo cáo kết quả thẩm định.

- Thực hiện điều chỉnh thiết kế theo quy định.
- Giám sát tác giả theo quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư.

I.3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn:

Ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Nhà thầu lên kế hoạch về thời gian thực hiện và tiến độ nộp báo cáo theo định kỳ.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu căn cứ vào Bảng dữ liệu đấu thầu và Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu mà sắp xếp bố trí nhân sự cho phù hợp với nhiệm vụ từng vị trí; thời điểm và thời gian huy động nhân sự phù hợp với kế hoạch triển khai nhằm mục đích hoàn thành tốt nội dung công việc.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Bên mời thầu sẽ cử cán bộ chuyên môn phù hợp để hỗ trợ về kỹ thuật, theo dõi tiến độ và phối hợp giải quyết các vướng mắc (nếu có) với nhà thầu tư vấn; Cung cấp những tài liệu, hồ sơ có liên quan đến công trình cho nhà thầu tư vấn (trong phạm vi cho phép); Thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của hợp đồng đã ký.